

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHỤ LỤC 17

Bảng tổng hợp hệ thống giao thông

STT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều rộng (m)			
			Lộ giới	Lòng đường	Lề đường	Dãy phân cách
A	Đường trục chính đô thị					
1	Đường Trần Hưng Đạo	4-4	42,0	24,0	10,0	8,0
2	Đường ĐT.975B	4-4	42,0	24,0	10,0	8,0
3	Đường D13	G-G	25,0	17,0	8,0	0,0
4	Đường ĐT.973	1-1	60,0	32,0	20,0	8,0
5	Đường ĐT.47	10-10	40,0	27,0	10,0	3,0
		1'-1'	60,0	32,0	20,0	8,0
B	Đường chính đô thị					
6	Đường nhánh nối trục Bắc - Nam	4B-4B	42,0	27,0	12,0	3,0
7	Đường Cách Mạng Tháng Tám	C'-C'	36,0	21,0	12,0	3,0
		4-4	42,0	27,0	12,0	3,0
8	Đường Nguyễn Trung Trực	C-C	36,0	26,0	10,0	0,0
		E'-E'	30,0	17,5	10,0	2,5
		H'-H'	24,0	12,0	12,0	0,0
		N-N	17,0	9,0	8,0	0,0
9	Đường Hùng Vương	E'-E'	30,0	17,5	10,0	2,5
		11'-11'	36,0	21,0	12,0	3,0
10	Đường N52	E-E	30,0	20,0	10,0	0,0
11	Đường D53	E'-E'	30,0	17,5	10,0	2,5
12	Đường D66	16-16	24,0	16,0	8,0	0,0
13	Đường D73	11-11	36,0	23,0	10,0	3,0
14	Đường N33	E"-E"	30,0	18,0	12,0	0,0
		K-K	20,0	12,0	8,0	0,0
C	Đường chính khu vực					
15	Đường Cửa Lấp Suối Mây	13-13	30,0	17,0	10,0	3,0
16	Đường 30-4	16-16	24,0	16,0	8,0	0,0
		E'-E'	30,0	17,5	10,0	2,5
		4B-4B	42,0	27,0	12,0	3,0
17	Đường Đoàn Thị Điểm	P-P	15,0	7,0	8,0	0,0
		H'-H'	24,0	12,0	12,0	0,0
18	Đường Nguyễn Chí Thanh	W'-W'	26,0	14,0	12,0	0,0
19	Đường Ngô Quyền	H'-H'	24,0	12,0	12,0	0,0

		K-K	20,0	12,0	8,0	0,0
20	Đường Nguyễn Huệ	H'-H'	24,0	12,0	12,0	0,0
21	Đường Trần Phú	H'-H'	24,0	12,0	12,0	0,0
		12'-12'	32,0	20,0	12,0	0,0
		E-E	30,0	20,0	10,0	0,0
		18-18	20,0	12,0	8,0	0,0
22	Đường Mạc Cửu	E'-E'	30,0	17,5	10,0	2,5
23	Đường Bến Tràm	16-16	24,0	16,0	8,0	0,0
24	Đường D9	K-K	20,0	12,0	8,0	0,0
25	Đường D17	H-H	24,0	16,0	8,0	0,0
26	Đường D19	H-H	24,0	16,0	8,0	0,0
27	Đường D20	H-H	24,0	16,0	8,0	0,0
28	Đường D30	H'-H'	23,0	15,0	8,0	0,0
		N'-N'	17,5	12,5	5,0	0,0
29	Đường D49	K-K	20,0	12,0	8,0	0,0
		20-20	16,0	8,0	8,0	0,0
30	Đường N11	11-11	36,0	23,0	10,0	3,0
31	Đường N30	H-H	24,0	16,0	8,0	0,0
32	Đường N32	M-M	18,0	10,0	8,0	0,0
33	Đường N35	E"-E"	30,0	18,0	12,0	0,0
		K'-K'	20,0	14,0	6,0	0,0
34	Đường N40	12'-12'	32,0	20,0	12,0	0,0
		18-18	20,0	12,0	8,0	0,0
35	Đường N44	D'-D'	34,0	14,0	20,0	0,0
36	Đường N58	16-16	24,0	16,0	8,0	0,0
37	Đường N59	16-16	24,0	16,0	8,0	0,0
38	Đường N61	E'-E'	30,0	17,5	10,0	2,5
39	Đường N69	K-K	20,0	12,0	8,0	0,0
40	Đường N73	16-16	24,0	16,0	8,0	0,0
41	Đường N75	16-16	24,0	16,0	8,0	0,0

- Các tuyến đường khu vực sẽ được thể hiện cụ thể trong Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới xây dựng và chỉ giới đường đỏ.